

Số: 24 /QĐ-VP

Cà Mau, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025
của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau**

CHÁNH VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 232/TB-STC ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau về kết quả kiểm tra quyết toán ngân sách năm 2025 đơn vị Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (chi tiết theo mẫu biểu số 76 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức – Quản trị và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo ĐBQH tỉnh;
- TT. HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trang TTĐT;
- Lưu: VT, HM.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Triệu Hiệp Nghĩa



Đơn vị: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Cà Mau

Chương: 402

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 24 /QĐ-VP ngày 29/5/2026 của Chánh văn phòng)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	-	-	-	-
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	52.989	52.989	-	52.989
I	Nguồn ngân sách trong nước	52.989	52.989	-	52.989
1	Chi quản lý hành chính	50.363	50.363	-	50.363
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	16.480	16.480	-	16.480
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	33.883	33.883	-	33.883
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-	-	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-	-	-
4	Chi sự nghiệp Tài chính và khác	8	8	-	8
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8	8	-	8
5	Chi bảo đảm xã hội	210	210	-	210
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	210	210	-	210
6	Chi hoạt động kinh tế	2.409	2.409	-	2.409
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.409	2.409	-	2.409
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-	-	-
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-	-	